TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2020
"V/v tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Phường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Văn Thanh**;
2. Ông **Lê Văn Vững**;

- Thư ký phiên toà: Ông **Trần Văn Jét** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 08 và 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 223/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc: "Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Sơn Thị V**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Đinh Thái D**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo ý kiến tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Sơn Thị V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/7/2008. Vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn do anh D nhậu về nóng nải làm cho không khí gia đình căng thẳng, vì thương con chị đã nhiều lần cho anh D cơ hội nhưng anh D vẫn không sửa đổi. Chị và anh D đã ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh D.

- Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Trung H, sinh ngày 17/01/2009 và Huỳnh Hiếu Đ, sinh ngày 30/12/2013, hiện đang sinh sống với anh D. Khi ly hôn chị V đồng ý giao hai con chung cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị V không cấp dưỡng nuôi hai con do anh D không có yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại biên bản hòa giải, bị đơn anh Huỳnh Đinh Thái D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D thống nhất với lời trình bày của chị V về việc anh và chị V tự tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/7/2008. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng vẫn bình thường, lúc đầu hai vợ chồng đi làm trên thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2019 do gia đình đơn chiếc nên anh về quê sống nuôi mẹ nên anh và vợ anh không sống chung với nhau. Anh thừa nhận khi có rượu trong người tính của anh hơi nóng nhưng anh nóng với ngoài chứ từ khi về sống với nhau anh chưa bao giờ đánh chị V cái nào. Nay do còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V. Hiện tại anh chưa đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh cam kết sẽ bỏ rượu và khắc phục những thiếu sót của mình mong chị V cho anh thêm cơ hội.

- Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Trung H, sinh ngày 17/01/2009 và Huỳnh Hiếu Đ, sinh ngày 30/12/2013, hiện đang sinh sống với anh D. Do anh không đồng ý ly hôn nên về con anh không ý kiến gì, trong trường hợp Tòa án quyết định cho vợ chồng anh ly hôn về con anh yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi 02 con.

- Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Trích lục giấy chứng nhận kết hôn (bản sao);
+ 02 giấy khai sinh con chung (bản sao);
+ Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 22/4/2020.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Tài liệu, chứng cứ; Về quan hệ nuôi con; Về quan hệ tài sản; Về quan hệ nợ.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Về quan hệ hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị V về việc yêu cầu được ly hôn với anh D, ngoài ra các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp T, xã M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt. Đối với nguyên đơn chị V vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị V và anh D.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh D tự tìm hiểu và yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/7/2008. Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì chị V và anh D hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì chị V và anh D đều thống nhất trình bày là khi anh D có rượu trong người thì tính tình nóng nải, mất kiểm soát dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cải làm

cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Ngoài ra, khi có rượu anh D hay cự cải với người khác dẫn đến mối quan hệ không tốt với hàng xóm láng giềng. Chị V đã khuyên can nhiều lần nhưng anh D không thay đổi từ đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân thì hai bên không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm gì, từ đó cho đến nay cuộc sống của ai thì người đó lo, không ai chăm sóc cho ai. Xét thấy, chị V và anh D đã ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân thì hai bên không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm gì, từ đó cho đến nay cuộc sống của ai thì người đó lo, không ai chăm sóc cho ai là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Đồng thời, mặc dù anh D trình bày không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V nhưng anh D không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, còn chị V thì xác định không còn tình nghĩa gì với anh D và chị V cương quyết xin ly hôn. Đồng thời, chị V và anh D thống nhất trình bày hiện nay vợ chồng vẫn đang ly thân, cuộc sống ai người đó lo. Do đó, có đủ cơ sở xác định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy hôn nhân giữa chị Vuôn và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống chị V và anh D có 02 con chung tên Huỳnh Trung H, sinh ngày 17/01/2009 và Huỳnh Hiếu Đ, sinh ngày 30/12/2013, hiện đang sinh sống với anh D. Khi ly hôn, chị V và anh D thống nhất thỏa thuận là chị V đồng ý để anh D được tiếp tục nuôi 02 con chung, chị V không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung do anh Dương không có yêu cầu. Đồng thời, thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung. Chị V và anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về quan hệ tài sản: Chị V và anh D thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Chị V và anh D thống nhất trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V về việc yêu cầu được ly hôn với anh D.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị Vuôn phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 246, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sơn Thị V được ly hôn với anh Huỳnh Đinh Thái D.

2. Về quan hệ nuôi con: Anh D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Trung H, sinh ngày 17/01/2009 và Huỳnh Hiếu Đ, sinh ngày 30/12/2013. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung do anh D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Chị V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai số 0000362, ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Chị V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Mỹ Quí;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Jet).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Thanh **Lê Văn Vững** **Nguyễn Minh Phường**